

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ GẠO
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 253/2018/HNGĐ-ST

Ngày: 31/5/2018

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ GẠO, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vẹn

Ông Võ Văn Chiến

Thư ký phiên tòa: Bà **Phan Thủy Uyên**, thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Ngọc**, Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Gạo xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 69/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **NGÔ THỊ KIM A** – sinh năm 1994.

Cư trú: ấp M, xã N, huyện X1, Tiền Giang.

* Bị đơn: **PHAN VĂN HẢI B** – sinh năm 1988.

Cư trú: ấp M1, xã N1, huyện X, tỉnh Tiền Giang.

(Chị A có mặt, anh Hải B vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải, nguyên đơn chị A trình bày:*

Chị và anh Phan Văn Hải B tự nguyện tổ chức lễ cưới năm 2013 và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã N1, huyện X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 26/9/2013. Thời gian đầu anh chị sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, tính tình không hợp, thường xuyên gây gổ. Nay, chị thấy không thể sống chung với nhau được nữa nên yêu cầu được ly hôn với anh Hải B.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Phan Thành C, sinh ngày 11/02/2014 hiện đang sống với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh Hải B cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai bị đơn anh Hải B trình bày:*

Anh thống nhất với lời trình bày của chị A về thời gian, điều kiện kết hôn và có 01 con chung là đúng. Anh trình bày nguyên nhân ly hôn là do chị A tự ý bỏ nhà đi. Nay, anh đồng ý ly hôn với chị Kim A. Anh đồng ý để chị A nuôi dưỡng một con chung tên Phan Thành C, sinh ngày 11/02/2014, anh không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn và yêu cầu được nuôi dưỡng con chung tên Phan Thành C, sinh ngày 11/02/2014 của nguyên đơn Ngô Thị Kim A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị A và anh Hải B tự nguyện tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân xã N1, huyện X cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 26/9/2013 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xB xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Phan Văn Hải B có văn bản trình bày ý kiến và đơn đề nghị vắng mặt trong phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và xét xử nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh Hải B.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, chị A xin ly hôn, nguyên nhân do vợ chồng không tin tưởng lẫn nhau, tính tình không hợp, thường xuyên gây gổ. Chị đã cố gắng hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả nên anh chị đã ly thân từ tháng 10/2017 đến nay. Nay, chị thấy không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn với anh Hải B. Tại bản tự khai, anh Hải B đồng ý ly hôn do chị A tự ý bỏ nhà đi.

Xét thấy mâu thuẫn của chị A và anh Hải B trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài được và thời gian anh chị xa nhau đã lâu nên yêu cầu ly hôn của chị A là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Anh chị có 01 con chung tên Phan Thành C, sinh ngày 11/02/2014 hiện đang sống với chị A. Khi ly hôn chị A yêu cầu được nuôi dưỡng cháu C, không yêu cầu anh Hải B cấp dưỡng nuôi con. Xét yêu cầu nuôi con của chị A là có cơ sở bởi cháu C đã sống với chị A đã ổn định về cuộc sống cũng như tâm lý, đồng thời tại bản tự khai, anh Hải B cũng đồng ý để chị A nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu C cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con, do chị A không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: chị A, anh Hải B khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị A phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: **Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Kim A.**

- **Về tình cảm:** Cho chị Ngô Thị Kim A được ly hôn với anh Phan Văn Hải B.

- **Về con chung:** Giao cho chị Ngô Thị Kim A được nuôi dưỡng con chung tên Phan Thành C, sinh ngày 11/02/2014. Chị A không yêu cầu anh Hải B cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản.

- **Về án phí HNST:**

Chị Ngô Thị Kim A phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000đồng theo biên lai số 36294 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện X. Như vậy, chị A đã nộp xong.

Chị A có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng anh Hải B kháng cáo kể từ khi Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Án tuyên và kết thúc cùng ngày./.

*** Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh TG;
- VKSND huyện X;
- Chi cục THADS huyện X;
- UBND xã N1.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Phan Thanh Bình